

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 488/2022/DS-PT

Ngày 16/12/2022

*“V/v Tranh chấp về dân sự*

*- Hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tăng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/11/2022, ngày 12/12/2022 và ngày 16/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc *“Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Mai Ngọc T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: khóm Tân H, phường Tân Quy Đ, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Mai Ngọc T: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 28/10/2022, văn bản ủy quyền ngày 28/10/2022.

Địa chỉ: Tổ , khóm Mỹ H, Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:**

1. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1973.

2. Bà Nguyễn Thị Út Nh, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: ấp Tân Th A, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Út Nh: Luật sư Nguyễn Cao H1- Công ty Luật TNHH MTV Tuyên Th và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: quốc lộ , phường Mỹ Ph, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

\* **Người kháng cáo:** Do kháng cáo của ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị Út Nh là bị đơn;

Bà M, ông H và bà Út Nh có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Bé trình bày tại Tòa sơ thẩm.

Bà Mai Ngọc T và vợ chồng ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh là chỗ quen biết, nên ngày 29/3/2021 bà T có cho ông H và bà Út Nh vay số tiền 600.000.000 đồng, có làm biên nhận, mục đích vay để đáo hạn nợ ngân hàng. Sau đó, ông H và bà Út Nh có trả cho bà T 400.000.000 đồng còn nợ lại 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng.

Ngày 28/5/2020, bà Út Nh có vay của bà T 150.000.000 đồng, có làm biên nhận, bà Út Nh có đưa cho bà Tuyết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.208,7m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Tân Dương, huyện Lai Vung, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất của Ngân hàng.

Ngày 09/9/2020, Nguyễn Chí Th là cháu của bà Út Nh đứng ra ký biên nhận vay tiền và người cho vay là ông Nguyễn Văn T chồng của bà T nhưng bà Út Nh là người bảo lãnh và bà Út Nh là người trực tiếp nhận số tiền vay 50.000.000 đồng, có làm biên nhận, mục đích vay là để mua bán cam, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng.

Ngày 16/11/2020, bà Út Nh vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất 1%/tháng, hẹn đến ngày 16/11/2021 trả nợ.

Tổng cộng nhiều lần vay, ông H và bà Út Nh đã vay của bà T số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà Út Nh trả nợ nhưng ông H và bà Út Nh vẫn không trả nợ vay cho bà T. Nay bà Mai Ngọc T yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh có trách

nhiệm liên đới trả số tiền vay 700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính cụ thể như sau:

Từ ngày 29/3/2021 đến ngày 29/11/2021 của số tiền vay 200.000.000 đồng:  $08 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} \times 200.000.000 \text{ đồng} = 16.000.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/11/2021 của số tiền vay 150.000.000 đồng:  $18 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} \times 150.000.000 \text{ đồng} = 27.000.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/10/2021 của số tiền vay 50.000.000 đồng:  $13 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} \times 50.000.000 \text{ đồng} = 6.500.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 16/11/2020 đến ngày 02/11/2021 của số tiền vay 300.000.000 đồng:  $12 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền vay và tiền lãi ông H và bà Út Nh phải trả cho bà Tt là 785.500.000 đồng. Bà T không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Út Nh, bà Út Nh chỉ đưa cho bà T bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chứng thực nên bà T không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho ông H và bà Út Nh được. Bà T yêu cầu Tòa án đưa ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Chí Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đơn yêu cầu bà T sẽ cung cấp sau cho Tòa án.

Tuy nhiên ngày 06/6/2022, bà Mai Ngọc T nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị Út Nh trả số tiền vay 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/9/2020. Do người vay là Nguyễn Chí Th và người cho vay là Nguyễn Văn T không liên quan đến vụ án này và các đương sự sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Như vậy bà Mai Ngọc T yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi 79.000.000 đồng, tổng cộng là 729.000.000 đồng (*bảy trăm hai mươi chín triệu đồng*).

Tại phiên tòa, ông B đại diện theo ủy quyền của bà Mai Ngọc T trình bày: Bà T không biết ông H và bà Út Nh đã ly hôn nên bà T cho ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay đều có viết biên nhận do ông H, bà Út Nh ký tên, tổng số tiền bà Út Nh và ông H vay còn nợ của bà T là 650.000.000 đồng và bà Út Nh chỉ đưa cho bà T bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chứng thực nên bà T không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho ông H và bà Út Nh. Vì vậy bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh có trách

nhiệm liên đới trả số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi của từng số tiền vay cụ thể như sau:

Từ ngày 15/4/2021 đến ngày 24/8/2022 của số tiền vay 200.000.000 đồng: 16 tháng 09 ngày x 0,83%/tháng x 200.000.000 đồng = 27.058.000 đồng.

Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 24/8/2022 của số tiền vay 150.000.000 đồng: 26 tháng 26 ngày x 0,46%/tháng x 150.000.000 đồng = 18.538.000 đồng.

Từ ngày 16/11/2020 đến ngày 24/8/2022 của số tiền vay 300.000.000 đồng: 21 tháng 08 ngày x 1%/tháng x 300.000.000 đồng = 63.800.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 109.396.000 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị Út Nh không có trách nhiệm liên đới thì buộc bà Nguyễn Thị Út Nh phải có trách nhiệm trả nợ thay ông H với trách nhiệm người bảo lãnh.

Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh cùng liên đới trả số tiền vay 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/9/2020.

*- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Thanh H trình bày:*

Ông Hải và bà Út Nh đã ly hôn theo quyết định số 159/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung. Bà Út Nh không còn sống chung địa chỉ với ông H nhưng bà Út Nh chưa tách khỏi sổ hộ khẩu của ông H, ông H cũng không biết hiện nay bà Út Nh ở đâu và làm gì, vì ông không liên lạc với bà Út Nh từ khi ly hôn đến nay. Khi nào cần ký giấy tờ để vay đáo nợ ngân hàng thì con của ông H liên lạc với bà Út Nh về ký vay, ông H không còn mối quan hệ vợ chồng với bà Út Nh.

Trước khi ly hôn, ông H và bà Nh có nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã Hòa Thành, huyện Lai Vung 600.000.000 đồng nên ông H, bà Nh thống nhất thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Ngọc T để vay 600.000.000 đồng trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Th. Sau khi trả xong nợ Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Th, ông H và bà Nh vay lại số tiền 400.000.000 đồng để trả lại cho bà T vào ngày 15/4/2021. Vì vậy, ông H và bà Nh chỉ còn nợ bà T 200.000.000 đồng. Ông H và bà Nh thống nhất bằng lời nói số tiền vay của bà T 200.000.000 đồng mỗi người trả một nửa là 100.000.000 đồng. Hiện nay, bà T đang giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H nhưng ông H không biết giấy của thửa đất nào. Ông H đồng ý trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng sau khi bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Đối với số tiền vay còn lại là 450.000.000 đồng bà Nh

vay của bà T vào thời gian ông H và bà Nh đã ly hôn, bà Út Nh vay tiền ông H không biết, bà Nh sử dụng tiền vay vào mục đích gì ông không biết nên ông không liên quan và không đồng ý trả nợ số tiền 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H thừa nhận ông H có vay của bà Mai Ngọc T số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 29/3/2021, người vay tiền ông Phan Thanh H ký và ghi họ tên, bà Nguyễn Thị Út Nh ký và ghi họ tên vào người bảo lãnh. Ngày 15/4/2021, ông H đã trả cho bà Tuyết 400.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 200.000.000 đồng. Do vay tiền của bà T để trả nợ chung của ông H và bà Út Nh trong thời kỳ hôn nhân nên giữa ông H và bà Út Nh có thỏa thuận bằng lời nói mỗi người có trách nhiệm trả cho bà T 100.000.000 đồng. Vì vậy ông H đồng ý trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng. Bà T cho ông H vay không có lãi nhưng ông H đồng ý trả tiền lãi của số tiền vay 100.000.000 đồng, với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 15/4/2021 đến ngày 24/8/2022. Ông H không đồng ý trả số tiền vốn vay 450.000.000 đồng và tiền lãi, vì số tiền này do cá nhân bà Út Nh vay khi ông và bà Út Nh đã ly hôn và ông cũng không biết bà Út Nh vay tiền của bà T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Út Nh trình bày:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị Út Nh nhưng bà Nhỏ vắng mặt tại phiên họp cũng như tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến, phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Mai Ngọc T.

Buộc ông Phan Thanh H phải trả cho bà Mai Ngọc T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và 27.058.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 227.058.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và 27.058.000 đồng tiền lãi cho bà Mai Ngọc T thì bà Nguyễn Thị Út Nh phải có trách nhiệm trả thay ông H số tiền vốn vay và tiền lãi là 227.058.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng*) cho bà Mai Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Thị Út Nh phải trả cho bà Mai Ngọc T số tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và 82.338.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 532.338.000 đồng (*Năm trăm ba mươi hai triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Mai Ngọc T về việc yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh cùng liên đới trả tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi 109.396.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Ngọc T về việc yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh cùng liên đới trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 09/9/2020.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Phan Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.353.000 đồng (*Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Út Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.617.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng*).

- Bà Mai Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 9 năm 2022, ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh là bị đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H không đồng ý trả cho bà Tuyết số tiền 200.000.000 đồng, mà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cũng không đồng ý trả 100.000.000 đồng cho bà T.

Bà Nguyễn Thị Út Nh kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, bà Út Nh thừa nhận chỉ còn nợ bà T 150.000.000 đồng và 05 tháng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Út Nh cho rằng số tiền

150.000.000 đồng của biên nhận ngày 28/5/2020, bà Út Nh đã trả xong, số tiền 300.000.000 đồng của biên nhận ngày 16/11/2020 bà Út Nhỏ không có ký tên, nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và đề nghị giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là công nhận sự tự nguyện của bà T đối với phần lãi của số tiền vốn vay 200.000.000 đồng do anh H vay của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Mai Ngọc T có cho ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 28/5/2020, bà T cho bà Út Nh vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo lãi Ngân hàng.

- Ngày 16/11/2020, bà T tiếp tục cho bà Út Nhỏ vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1%/ tháng.

- Ngày 29/03/2021, bà T có cho ông H vay 600.000.000 đồng, người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Út Nh, thời hạn vay đến ngày 08/4/2021, không thỏa thuận lãi suất.

Các lần vay bà Út Nh và ông H đều có viết biên nhận.

[2] Theo bà T số tiền vay ngày 29/3/2021 thì ông H và bà Út Nh có trả vốn được 400.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đối với số tiền vay của chị Út Nh ngày 28/5/2020 và ngày 16/11/2020, bà Út Nh đến nay chưa trả.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/11/2022 và ngày 12/12/2022, thì bà Út Nh thừa nhận có vay của bà T cụ thể như sau:

- Ngày 28/5/2020, bà T cho bà Út Nh 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo lãi Ngân hàng. Bà Út Nh có đóng lãi đến ngày 12/8/2021, sau đó chuyển khoản cho bà T tiền lãi 12.500.000 đồng.

- Ngày 16/11/2020, bà T tiếp tục cho bà Út Nh vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1%/ tháng, có đóng đến tháng 5/2021 do ông T

chồng của bà T nhận.

- Ngày 29/03/2021, bà T có cho ông H vay 600.000.000 đồng, người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Út Nh, lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, có đóng lãi không nhớ được bao nhiêu, ngày 15/4/2021 trả 400.000.000 đồng. Còn nợ 200.000.000 đồng.

[4] Theo bà Út Nh biên nhận ngày 28/5/2020 số tiền 150.000.000 đồng, ngày 08/4/2021 bà Út Nh có trả cho bà T 150.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T chồng bà T nhận. Giấy mượn tiền ngày 16/11/2020 số tiền 300.000.000 đồng là do bà Út Nh và ông T chồng bà T hùn vốn mở tiệm cầm đồ.

Bà Út Nh đồng ý trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng của lần vay theo giấy mượn tiền ngày 16/11/2020.

[5] Ông H thừa nhận ngày 29/3/2021, có vay của bà T số tiền 600.000.000 đồng, khi vay có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, sau đó bà T có trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông H có trả cho bà T được 400.000.000 đồng. Do ông H và bà Út Nh đã ly hôn từ năm 2018 và ông H với bà Út Nh thỏa thuận số tiền 200.000.000 đồng thì ông H và bà Út Nh mỗi người chịu trách nhiệm trả cho bà T 100.000.000 đồng, nên ông H không đồng ý trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng không đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà T, mà toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng do bà Út Nh chịu trách nhiệm trả cho bà T.

[6] Xét kháng cáo của ông H không đồng ý trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, về phía ông H thừa nhận ngày 29/3/2021, ông H có vay của bà T số tiền 600.000.000 đồng, bà Út Nh là người bảo lãnh. Ông H cho rằng khi vay có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T chỉ trả lại 01 giấy chứng nhận, nên không có tài sản thế chấp vay tiền trả nợ cho bà T, nên còn nợ bà T 200.000.000 đồng. Ông H thừa nhận còn nợ bà T 200.000.000 đồng, nhưng chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng là không thể chấp nhận bởi vì: Ông H là người vay tiền, bà Út Nh là người bảo lãnh. Đồng thời, giấy mượn tiền ngày 29/3/2021 cũng không thể hiện ông H và bà Út Nh mỗi người chịu trách nhiệm  $\frac{1}{2}$  (nửa) số tiền vay của bà T và ông H cũng không có chứng cứ chứng minh là bà T đồng ý cho ông H trả số tiền 100.000.000 đồng, phần còn lại 100.000.000 đồng do bà Út Nh chịu trách nhiệm trả cho bà T, nên án sơ thẩm xử buộc ông H trả cho bà T 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà T, tại



phiên tòa phúc thẩm, bà Út Nh thừa nhận 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay bà T đã trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Út Nh nhận xong.

[7] Đối với kháng cáo của ông H không đồng ý trả tiền lãi cho bà T. Xét thấy, mặc dù giấy mượn tiền ngày 29/3/2021 không thể hiện lãi suất, nhưng bà Út Nh cho rằng số tiền vay ngày 29/3/2021 lãi suất 3.000 đ/1 triệu/ngày, đều đó chứng tỏ các bên có thỏa thuận lãi suất. Đồng thời, ông H, bà Út Nh vay 600.000.000 đồng thời hạn đến ngày 08/4/2021 ông H, bà Út Nh trả số tiền 600.000.000 đồng, nhưng đến ngày 15/4/2021, ông H trả 400.000.000 đồng, còn nợ 200.000.000 đồng cho đến nay. Việc ông H không đồng ý trả lãi cho bà T là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T.

Án sơ thẩm xử buộc ông H trả cho bà T 200.000.000 đồng và lãi là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H.

[8] Xét kháng cáo của bà Út Nh không đồng ý trả cho bà T số tiền vay 150.000.000 đồng của biên nhận ngày 28/5/2020. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Út Nh trình bày, ngày 08/4/2022 bà Út Nh có trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T chồng bà T nhận, có bà Nguyễn Thị T chứng kiến. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T là chồng của bà T không thừa nhận là có nhận của bà Út Nh số tiền 150.000.000 đồng do bà Út Nh trả cho bà T.

[9] Bà Nguyễn Thị T khai có thấy bà Út Nh trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên, bà T thừa nhận giữa bà T1 với bà T, ông T có quan hệ tiền bạc qua lại với nhau đến nay chưa giải quyết dứt điểm. Đồng thời, bà T1 là chị ruột của bà Út Nh, nên lời khai của bà T1 không đảm bảo khách quan, bà T1 cũng không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh là thấy ông T có nhận tiền của bà Út Nh, nên lời khai của bà T1 không được xem là chứng cứ.

Bà Út Nh không có chứng cứ chứng minh là ông T có nhận số tiền 150.000.000 đồng, nên việc bà Út Nh không đồng ý trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng là không thể chấp nhận.

[10] Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng của biên nhận ngày 16/11/2020, bà Út Nh kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại 150.000.000 đồng là do ông T hùn vốn với bà Út Nh mở tiệm cầm đồ, nên ông T chịu trách nhiệm. Xét thấy, về phía ông T không thừa nhận có hùn vốn mở tiệm cầm đồ với bà Út Nh, nhưng bà Út Nh cũng không có

chứng cứ chứng minh là ông T có hùn vốn mở tiệm cầm đồ với bà Út Nh. Số tiền 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền (vay) là do bà Út Nh vay, nên bà Út Nh phải chịu trách nhiệm trả cho bà T, nên việc bà Út Nh kháng cáo chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng là không có căn cứ.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (ngày 16/12/2022), bà Út Nh cho rằng không có ký tên vào biên nhận ngày 16/11/2020, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và giám định. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/11/2022, ngày 12/12/2022, bà Út Nh đều thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 16/11/2020, nhưng cho rằng tiền hùn vốn mở tiệm cầm đồ với ông T chồng bà T, nên bà Út Nh chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng cho bà T. Tại phiên tòa hôm nay bà Út Nh cho rằng không có ký tên vào biên nhận ngày 16/11/2020, nhưng bà Út Nh không có chứng cứ chứng minh là không có ký tên vào biên nhận ngày 16/11/2020.

[12] Về số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 28/5/2020 và số tiền 300.000.000 đồng ngày 16/11/2020, bà Út Nh cho rằng đã trả cho ông T nhận và hùn vốn mở tiệm cầm đồ với ông T. Ông T không thừa nhận, trong trường hợp có đủ cơ sở xác định ông T có nhận tiền và hùn vốn của bà Út Nh thì bà Út Nh có quyền khởi kiện ông T bằng vụ án dân sự khác.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Út Nh cho rằng bà Út Nh có chuyển cho bà T số tiền 12.500.000 đồng để đóng lãi cho số tiền vay. Bà T thừa nhận là có nhận số tiền 12.500.000 đồng của bà Út Nh, nhưng theo bà T sau đó bà T chuyển lại cho chị Út Nh 12.500.000 đồng (chuyển từ điện thoại) nên không có chứng từ, bà Út Nh thừa nhận có nhận tiền do bà T chuyển nhưng không nhớ bao nhiêu. Xét thấy, tại tờ tường trình ngày 13/12/2022, bà T thống nhất trừ số tiền 12.500.000 đồng mà bà Út Nh chuyển khoản đóng lãi cho bà T vào số tiền lãi 27.058.00 đồng, nên ông H và bà Út Nh còn nợ 14.558.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà T hứa có lợi cho ông H và bà Út Nh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Út Nh cho rằng số tiền 150.000.000 đồng của biên nhận ngày 28/5/2020 bà Út Nh đã trả xong, số tiền 300.000.000 đồng của biên nhận ngày 16/11/2020 bà Út Nh không có ký tên, nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và đề nghị giám định. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Luật sư là không phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Xét, đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp

công nhận sự tự nguyện của bà T đối với phần lãi của số tiền vốn vay 200.000.000 đồng do ông H vay của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà Út Nh, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông H và bà Út Nh không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 335, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự; Khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Ngọc T. Không chấp nhận yêu cầu của bà Mai Ngọc T về việc yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh cùng liên đới trả tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi 109.396.000 đồng.

1.1 Buộc ông Phan Thanh H phải trả cho bà Mai Ngọc T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và 14.558.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 214.558.000 đồng (*Hai trăm mười bốn triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và 14.558.000 đồng tiền lãi cho bà Mai Ngọc T thì bà Nguyễn Thị Út Nh phải có trách nhiệm trả thay ông H số tiền vốn vay và tiền lãi là 214.558.000 đồng (*Hai trăm mười bốn triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*) cho bà Mai Ngọc T.

1.2 Buộc bà Nguyễn Thị Út Nh phải trả cho bà Mai Ngọc T số tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và 82.338.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 532.338.000 đồng (*Năm trăm ba mươi hai triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Ngọc T về việc yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh cùng liên đới trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 09/9/2020.

3. Về án phí:

3.1 Ông Phan Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.728.000 đồng.

3.2 Bà Nguyễn Thị Út Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.293.000 đồng.

3.3 Bà Mai Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí).

3.4 Ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị Út Nh mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông H và bà Út Nh mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010523 ngày 08/9/2022 (Hải) và biên lai thu số 0010522 ngày 07/9/2022 (Út Nh), được trừ vào tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tạng**

